

Số: 1156/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 920/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị N** - sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Số 63/11, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu D** - sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Số 63/11, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hữu D.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hữu D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015, quyền số 01/2015 ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hữu D có 01 con chung tên Nguyễn Hữu D, sinh ngày 26/12/2015. Hai bên thỏa thuận thống nhất:

- *Việc nuôi dưỡng con chung:* Bà Đinh Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Nguyễn Hữu D cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu D mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- *Thời gian cấp dưỡng nuôi con:* Trước ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Hữu D thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Đinh Thị N tự nguyện chịu, được căn trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0105187 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp xong).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã T, huyện Đ, Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thùy Trang